

Số: 73 /NQ-HĐND

Kim Sơn, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách cấp huyện

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN KHÓA XX NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của UBND huyện Kim Sơn tại Tờ trình số 385/TTr-UBND ngày 29/11/2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách cấp huyện; Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách cấp huyện, như sau:

1. Bổ sung và phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2022 từ nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2021 cho 01 dự án với số tiền: 538.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi tám triệu đồng).

(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 vốn ngân sách cấp huyện như sau:

- Rút vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của 21 dự án với tổng số tiền: 40.635.985.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho 15 dự án với tổng số tiền: 40.635.985.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này..

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân huyện Kim Sơn khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua./

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- BTV Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các cơ quan, ban, ngành của huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đình Việt Dũng



BIỂU SỐ 01

BIỂU PHÂN BỐ VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Kim Sơn)

ĐVT: nghìn đồng

STT	Danh mục dự án	Theo Quyết định đầu tư					Lũy kế số vốn bố trí đến hết năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022			Số tiền được phân bổ	Ghi chú
		Số QĐ đầu tư, ngày, tháng, năm ban hành	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó theo nguồn vốn		Tổng số	Trong đó theo nguồn vốn			
				Tổng số	Trong đó theo nguồn vốn			Tổng số	Trong đó theo nguồn vốn					
					Vốn tỉnh	Vốn huyện			Vốn tỉnh		Vốn huyện			
	Tổng cộng			14.900.000	-	14.900.000	-	-	-	6.100.356	-	6.100.356	538.000	-
I	Lĩnh vực thủy lợi			14.900.000	-	14.900.000	-	-	-	6.100.356		6.100.356	538.000	-
1	Xử lý cấp bách kè chống sạt lở đường ngăn nước ngoại lai (đê Bình Minh 2 kéo dài), xã Lai Thành, huyện Kim Sơn	2022-2023	2343; 21/4/2022	14.900.000		14.900.000	-	-	-	6.100.356		6.100.356	538.000	



BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 - VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Kim Sơn)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

ST T	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Theo Quyết định đầu tư/ Quyết định duyệt toán (nếu có)			Lũy kế số vốn bố trí đến hết năm 2021			Kế hoạch vốn NS huyện năm 2022			Cam kết giải ngân vốn trong năm 2022	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022										Lý do rút, bổ sung	Ghi chú					
			Số QĐ; ngày ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Rút	Ngân sách huyện (Từ nguồn đầu giá QSD đất)	Ngân sách tỉnh tập trung	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách huyện	Xổ số	Bổ sung	Ngân sách huyện (Từ nguồn đầu giá QSD đất)	Ngân sách tỉnh tập trung	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách huyện	Xổ số							
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tăng số														Trong đó				
					Vốn huyện	Vốn khác			Vốn huyện																Vốn khác	Giao đầu năm	Bổ sung trong năm		
A	DANH MỤC DỰ ÁN RÚT VỐN			538.326.628	411.164.339	127.162.289	370.129.401	324.729.401	45.400.000	74.783.000	25.185.000	49.598.000	34.147.015	40.635.985	2.267.181	3.870.804	34.198.000	300.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	Lĩnh vực thủy lợi			35.322.160	18.422.160	16.900.000	29.049.700	12.149.700	16.900.000	6.036.000	7.036.000	(1.000.000)	4.509.001	1.526.999	656.195	870.804	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
*	Dự án hoàn thành và đã quyết toán			7.406.179	7.406.179	-	4.795.300	4.795.300	-	2.635.000	2.635.000	-	2.610.879	24.121	24.121	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Nạo vét kênh Trí Tĩnh, xã Hùng Tiến	2012	6961; 12/10/2022	3.701.503	3.701.503		2.100.000	2.100.000		1.602.000	1.602.000		1.601.503	497	497														
2	Nạo vét kênh trục giữa xã Cồn Thoi	2016	6162; 21/09/2022	1.024.072	1.024.072		900.000	900.000		131.000	131.000		124.072	6.928	6.928														
3	Nạo vét kênh Xóm 12 Kim Tân	2017	7450; 17/11/2022	953.909	953.909		300.000	300.000		661.000	661.000		653.909	7.091	7.091														
4	Nạo vét kênh Xóm 9 Kim Tân	2017	7451; 17/11/2022	737.303	737.303		700.000	700.000		41.000	41.000		37.303	3.697	3.697														
5	Nạo vét kênh trạm bơm xã Chất Bình	2017	7448; 17/11/2022	989.392	989.392		795.300	795.300		200.000	200.000		194.092	5.908	5.908														
*	Dự án hoàn thành chưa quyết toán			27.915.981	11.015.981	16.900.000	24.254.400	7.354.400	16.900.000	3.401.000	4.401.000	(1.000.000)	1.898.122	1.502.878	632.074	870.804	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	Sông Cà Mau đoạn từ cống Mai An đến cống C10 (giai đoạn 2)	2020-2021	1408; 20/11/2020	17.000.000	5.100.000	11.900.000	16.000.000	4.100.000	11.900.000	1.000.000	2.000.000	(1.000.000)	129.196	870.804		870.804													
2	Xây dựng cấp bách tường chắn sóng đoạn gần cống CT10, CT11 và điểm canh dè tại đầu trục đường B8 trên tuyến đê biển Bình Minh III (Tỉnh 5.000 triệu, huyện 3.000 triệu)	2021-2022	5944; 20/9/2021	8.000.000	3.000.000	5.000.000	6.000.000	1.000.000	5.000.000	2.000.000	2.000.000		1.768.926	231.074	231.074														
3	Nạo vét kênh Kim Đài	2015	3886; 7/7/2015	826.429	826.429		400.000	400.000		387.000	387.000		-	387.000	387.000														
4	Cống điều tiết trên kênh tiêu Cồn Thoi	2013	1137; 14/4/2013	2.089.552	2.089.552		1.854.400	1.854.400		14.000	14.000		-	14.000	14.000														
II	Lĩnh vực giao thông			34.017.332	34.017.332	-	18.627.448	18.627.448	-	13.601.000	13.601.000	-	10.589.000	3.012.000	12.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
*	Dự án hoàn thành chưa quyết toán			6.629.332	6.629.332	-	6.589.431	6.589.431	-	12.000	12.000	-	-	12.000	12.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Đường N2-1 (mặt đường)	2012	3716; 8/10/2012	5.757.000	5.757.000		5.734.831	5.734.831		10.000	10.000		-	10.000	10.000														
2	Hạng mục bổ sung các cống thoát nước (thuộc dự án đường N2-1)	2012	3742; 08/10/2012	872.332	872.332		854.600	854.600		2.000	2.000		-	2.000	2.000														
*	Dự án đang triển khai			27.388.000	27.388.000	-	12.038.017	12.038.017	-	13.589.000	13.589.000	-	10.589.000	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	Xây dựng cầu Duy Hòa xã Ân Hòa và cầu Xóm 9 xã Lai Thành thuộc dự án đầu tư xây dựng 03 cầu giao thông bắc qua sông Ân, huyện Kim Sơn	2021-2022	3454; 16/7/2021	27.388.000	27.388.000		12.038.017	12.038.017		13.589.000	13.589.000		10.589.000	3.000.000		3.000.000													
III	Lĩnh vực khác			417.257.847	358.724.847	58.533.000	322.452.253	293.952.253	28.500.000	43.646.000	1.048.000	42.598.000	13.149.014	30.496.986	898.986	-	29.598.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
*	Dự án hoàn thành và đã quyết toán			849.745	849.745	-	800.000	800.000	-	50.000	50.000	-	49.745	255	255	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			

